

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK  
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 22/06/2024 - TRÌNH ĐỘ HSK 3

PHÒNG THI: 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H3240585020000037	HOANG THE TRUNG	男	2007-05-30	024207017141	LE 5.17	
2	H3240585020000038	NGOC THI HOA	女	2003-09-16	024303002565	LE 5.17	
3	H3240585020000039	NGUYEN THI NHI	女	2007-09-05	024307001438	LE 5.17	
4	H3240585020000040	NGUYEN THI NGOC BICH	女	2007-11-22	024307001497	LE 5.17	
5	H3240585020000041	CHU THI QUYNH HOA	女	2007-08-09	024307001525	LE 5.17	
6	H3240585020000042	NGUYEN THI HONG	女	2007-12-07	024307001705	LE 5.17	
7	H3240585020000043	THAN HUYNH YEN VI	女	2007-04-20	024307002123	LE 5.17	
8	H3240585020000044	DO THI LIEU	女	2007-11-19	024307002273	LE 5.17	
9	H3240585020000045	GIAP THI THU HOAI	女	2007-11-24	024307002833	LE 5.17	
10	H3240585020000046	LE NGOC ANH	女	2007-06-29	024307004009	LE 5.17	
11	H3240585020000047	NGUYEN THI PHUONG MAI	女	2007-09-23	024307004094	LE 5.17	
12	H3240585020000048	VU THI HUYEN TRANG	女	2007-01-11	024307004360	LE 5.17	
13	H3240585020000049	NGUYEN THI HAI	女	2007-08-04	024307005513	LE 5.17	
14	H3240585020000050	TRAN THI HANG	女	2007-03-29	024307006350	LE 5.17	
15	H3240585020000051	PHUNG THI HUYEN TRANG	女	2007-01-01	024307006565	LE 5.17	
16	H3240585020000052	DAO THI THU THUY	女	2007-04-11	024307006983	LE 5.17	
17	H3240585020000053	NGUYEN THI HOA	女	2007-11-10	024307007673	LE 5.17	
18	H3240585020000054	NGUYEN THI CAM LY	女	2007-03-27	024307007843	LE 5.17	
19	H3240585020000055	DO NGOC NINH	女	2007-10-23	024307009793	LE 5.17	
20	H3240585020000056	NGUYEN THI HONG PHUC	女	2007-06-26	024307010255	LE 5.17	
21	H3240585020000057	NGO THI THUY HIEN	女	2007-08-07	024307011352	LE 5.17	
22	H3240585020000058	HOANG THI CHI	女	2007-05-03	024307012953	LE 5.17	
23	H3240585020000059	CHU THI NGOC ANH	女	2007-04-05	024307013649	LE 5.17	
24	H3240585020000060	NGUYEN THI QUYNH	女	2007-10-04	024307014095	LE 5.17	
25	H3240585020000061	BUI NGOC ANH	男	2002-05-14	025202011071	LE 5.17	
26	H3240585020000062	DAO THI NHAT ANH	女	2002-01-14	025302002068	LE 5.17	
27	H3240585020000063	DANG THI THU PHUONG	女	2002-05-31	025302004786	LE 5.17	
28	H3240585020000064	NGUYEN THI PHUONG QUYNH	女	2003-09-15	025303002038	LE 5.17	
29	H3240585020000065	TRAN THUY DUONG	女	2003-11-05	025303003615	LE 5.17	
30	H3240585020000066	NGUYEN THI THAO TRANG	女	2003-03-02	025303003932	LE 5.17	
31	H3240585020000067	DO THI CHI LINH	女	2004-06-24	025304006070	LE 5.17	
32	H3240585020000068	VU THANH DUONG	女	2007-01-06	025307011944	LE 5.17	
33	H3240585020000069	TRAN BAO CHAU	女	2007-09-08	025307013853	LE 5.17	
34	H3240585020000070	NGUYEN THI KIM ANH	女	2002-10-10	026302005920	LE 5.17	
35	H3240585020000071	NGUYEN THI THUY HONG	女	2002-12-18	026302006235	LE 5.17	
36	H3240585020000072	DUONG THI NHU QUYNH	女	1994-12-10	027194012563	LE 5.17	
37	H3240585020000073	LUU THI THUY	女	1998-06-01	027198006947	LE 5.17	

Ấn định danh sách có 37 thí sinh.